

## So sánh chương trình giáo dục đại học ở Mỹ và Việt Nam

Vũ Quang Việt<sup>1</sup>

Bài viết này tóm tắt những nét khác biệt cơ bản giữa giáo dục đại học cấp cử nhân (Bachelor of Arts hay gọi tắt là BA) ở Mỹ và ở Việt Nam hiện nay. Những nét cơ bản này dựa vào so sánh chương trình học kinh tế ở Việt Nam và chương trình học khoa học cơ bản, xã hội hoặc nhân văn (liberal arts trong đó có kinh tế, toán, vật lý, hoá học, văn chương, tâm lý học, v.v.). Chương trình học ở Việt Nam và ở Mỹ được đưa vào phần phụ lục.

### 1. Chương trình học ở Việt Nam quá dài

Thời gian học 4 năm ở lớp tại Việt Nam là 2183 giờ so với 1380 giờ ở Mỹ. Như vậy chương trình ở Việt Nam dài hơn gần 60%. Điều này có thể là do thiếu sách vở nên thầy phải vào lớp đọc cho trò chép hoặc là quán tính từ quá khứ để lại. Với thời gian ngồi lớp như vậy, học sinh sẽ còn ít thì giờ để tự học, nghiên cứu.

### 2. Chương trình ở Việt Nam không phải là dạy nghề cũng không phải là đào tạo một người có kiến thức sâu và tính sáng tạo

Chương trình học kinh tế đòi hỏi 1451 giờ học kinh tế so với ở Mỹ chỉ đòi hỏi tối thiểu là 480 giờ (tức là 1/3 chương trình đại học), như vậy đòi hỏi học các môn kinh tế gấp 3 lần số giờ ở đại học Mỹ. Nhìn chương trình giảng dạy ở Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh ta thấy, học sinh trong 4 năm phải học gần như tất cả mọi thứ trên đời về kinh tế mà nhà trường có thể nghĩ ra được, từ các môn cơ bản như kinh tế vi mô và vĩ mô, đến các môn như kinh tế lao động, quản trị xí nghiệp, kế toán, địa lý kinh tế, luật kinh tế, dân số học, chính sách thương mại, kinh tế tài nguyên và môi trường, phân tích dự án kinh tế, thị trường chứng khoán, v.v. Đây là những môn ít khi dạy ở cấp đại học 4 năm và có dạy thì chỉ là những môn để học sinh có thể chọn lựa, và đây cũng là những môn mà trường đại học có thầy đã và đang nghiên cứu chuyên sâu. Đòi hỏi mỗi thứ một tí, học sinh không có khả năng hoặc thì giờ đi sâu vào bất cứ vấn đề gì và chắc chắn là thầy cũng chỉ đọc sách nói lại mà không hiểu thầy có hiểu không nữa. Theo các tài liệu giáo khoa của trường thì nội dung rất là rất nặng lý thuyết mà nhiều phần học sinh ở Mỹ chỉ học trong chương trình sau cử nhân. Như vậy trường chỉ nhằm nhồi sọ kiến thức lý thuyết kinh tế nhưng sự phân chia chi li các lớp học thì lại có vẻ thực dụng như dạy nghề.

### 3. Chương trình ở Việt Nam không trang bị cho học sinh những kiến thức cơ bản và toàn diện khoa học tự nhiên, nhân văn, văn chương và nghệ thuật; không có một lớp nào về phương pháp nghiên cứu và viết luận văn

---

<sup>1</sup> Tốt nghiệp PhD về kinh tế năm 1980 tại New York University, hiện nay là vụ trưởng Vụ Tài khoản Quốc gia, Cục Thống kê Liên Hợp Quốc. Tác giả cảm ơn các bạn Trần Văn Mai, Hoàng Thái Việt, Trần Hữu Dũng, Nguyễn Hoàng, Bùi Trọng Liễu và Nguyễn Hoài Bảo đã có góp ý với bài viết này. Sai lầm trong bài tất nhiên là từ phía người viết.

Chương trình ở Mỹ (ở các đại học danh tiếng) đòi hỏi học sinh phải học một chương trình cơ bản dù là học ngành gì từ khoa học cơ bản, khoa học ứng dụng, xã hội hoặc nhân văn. Đây chính là chương trình thể hiện mục đích đào tạo những cá nhân có tri thức cơ bản, có phương pháp suy nghĩ và phân tích các vấn đề, có khả năng viết luận văn nghiên cứu (coi thêm phụ lục I). Chương trình cơ bản bắt buộc này cũng chiếm 1/3 thời gian học 4 năm như thời gian tối thiểu dành cho ngành học chính. Chúng gồm có những môn như sau:

### **Chương trình kiến thức cơ bản bắt buộc ở đại học Mỹ**

	<b>Tín chỉ (theo chương trình 3 kỳ<sup>2</sup> học một năm)</b>	<b>Thời gian học (giờ)</b>
Hội thảo về phương pháp suy luận, phân tích, nghiên cứu và viết luận văn	2	60
Ngoại ngữ hoặc qua kỳ thi sát hạch*	6	180
Viết tiếng Anh hoặc qua kỳ thi sát hạch*	2	60
Kiến thức cơ bản		180
• Khoa học tự nhiên	1	
• Qui tắc và phương pháp logic	1	
• Khoa học xã hội và hành vi	1	
• Sử học	1	
• Giá trị (triết học, tôn giáo hoặc đạo đức học)	1	
• Văn học và nghệ thuật	1	
<b>Tổng chương trình cơ bản</b>	<b>16</b>	<b>480</b>
<b>Tổng chương trình 4 năm</b>	<b>45-46</b>	<b>1380</b>

Nguồn: dựa vào chương trình của Northwestern University

\*Nếu qua được kỳ thi sát hạch, học sinh có thể học ở những lớp cao hơn hoặc học về văn học nước ngoài dạy bằng tiếng nước ngoài, hoặc văn chương tiếng Anh để thay thế.

#### **4. Ở đại học Việt Nam tất cả các môn có tính bắt buộc, học sinh không có quyền tự chọn, ngược lại ở Mỹ học sinh có quyền tự chọn đến 1/3 thời gian học dù học bất cứ ngành chính nào (như toán, vật lý, hoá học, kinh tế, tâm lý, văn chương, vv.)**

Việc tự chọn là rất quan trọng để học sinh mở mang kiến thức về nhiều ngành học khác nhau. Việc hiểu biết liên ngành này cho phép học sinh hợp tác nghiên cứu liên ngành, phân tích và nhìn vấn đề không bị cục diện, bó hẹp vào chuyên môn của mình. Học sinh đại học với quyền tự chọn có thể chọn hai ngành chuyên môn, hoặc một ngành chính và một ngành phụ<sup>3</sup>. Sau khi ra trường, họ có thể làm việc ở nhiều chuyên môn khác nhau chứ không bị bó vào ngành chuyên môn duy nhất mà mình học ở trường, kể cả thay đổi hoàn toàn để theo một ngành khác. Triết lý giáo dục ở Mỹ cho phép và trang bị cho sinh viên thực hiện việc đổi ngành mà không bị hụt hẫng.

<sup>2</sup> Hệ thống tín chỉ ở Mỹ tại các trường không giống nhau. Đây là thí dụ ở một trường. Coi thêm giải thích ở Phụ lục I.

<sup>3</sup> Việc học sinh ở một khoa hoặc một trường *tự chọn* lớp ở một khoa khác hoặc một trường khác phải nằm trong khuôn khổ soạn sẵn mà khoa hoặc trường cho là tương đương, nếu không học sinh phải xin phép đặc biệt của khoa mà học sinh học nhằm công nhận sự tương đương. Điều này cần thiết nhằm bảo đảm chất lượng của lớp học.

### Chương trình 4 năm đại học ở Mỹ

Kiến thức cơ bản bắt buộc (trong đó có những lớp bắt buộc và những lớp tự chọn trong những ngành bắt buộc)	1/3 chương trình	680 giờ
Ngành chính	1/3 chương trình	680 giờ
Phần bắt buộc học	1/6 chương trình	
Phần tự chọn trong ngành chính	1/6 chương trình	
Phần tự chọn trong các ngành khác, học sinh có thể lấy thêm một ngành chính khác, hoặc 1 ngành phụ và những lớp tự chọn thêm trong ngành chính	1/3 chương trình	660 giờ
<b>Tổng</b>		<b>1380 giờ</b>

- 5. Trong ngành học chính (như toán, vật lý, hoá học, kinh tế, tâm lý, văn chương, vv.), ngoài các lớp cơ bản phải học, học sinh cũng có quyền tự chọn các lớp trong ngành chính, ngược lại học sinh ở Việt Nam phải học tất cả mọi thứ mà nhà trường đã quyết định sẵn**

Trong ngành chính (major), chẳng hạn như kinh tế, phần bắt buộc học cũng chỉ khoảng 1/2. Học sinh sẽ tự chọn những môn trong ngành kinh tế mà họ thích. Thí dụ về kinh tế, học sinh bị đòi hỏi học những môn sau:

#### Chương trình bắt buộc trong ngành chính, như môn kinh tế ở Mỹ

	Tin chỉ	Giờ
Kinh tế vi mô nhập môn	1	30
Kinh tế vĩ mô nhập môn	1	30
Toán calculus nhập môn	1	30
Thống kê cho ngành xã hội nhân văn	1	30
Kinh trắc học nhập môn	1	30
Kinh tế vi mô trung cấp	1	30
Kinh tế vĩ mô trung cấp	1	30
<b>Tổng giờ học ngành chính bắt buộc</b>		<b>210</b>
Giờ học ngành chính tự lựa chọn		270
<b>Tổng giờ học trong ngành chính</b>		<b>480</b>

- 6. Chương trình về chủ nghĩa Marx – Lenin, chính trị chủ nghĩa xã hội, lịch sử Đảng chiếm 203 giờ, bằng 9% chương trình, quá nặng và cũng là lý do làm tăng số giờ giảng dạy lên tới 2184**

So với tổng giờ học thì việc dạy chính trị Marx – Lenin bằng 9%, không phải là quá nhiều, nếu như đây là triết học, chính trị học, luân lý, xã hội học và mỹ học duy nhất cần biết. Nhưng nếu học sinh cần được trang bị thêm về chính trị và triết học khác thì số giờ có thể cắt bớt. Nếu giả thử nhà nước không muốn cắt thì việc canh tân chương trình vẫn có thể thực hiện được.

### Bốn năm đại học kinh tế ở Việt Nam (giờ)

Tổng 4 năm	2183
Kinh tế	1451
Chính trị	203
Ngoại ngữ	293
Toán, tin học	169
Môn khác	68
Tỷ lệ giờ học kinh tế	66%
Tỷ lệ giờ học chính trị	9%
Tỷ lệ giờ học ngoại ngữ	13%
Tỷ lệ giờ học môn khác	11%

## 7. Về chương trình canh tân

Do chương trình giảng dạy ở Việt Nam quá dài, vấn đề cắt bớt là cần thiết nhằm tạo thì giờ cho học sinh và thầy giáo nghiên cứu và tự học. Chương trình cắt bớt này có thể giảm hoặc vẫn giữ nguyên giờ học về chủ nghĩa Marx – Lenin. Nếu áp dụng đúng số giờ ở Mỹ thì tổng giờ học sẽ là 1380, trong đó chỉ có 208 là môn học tự chọn (coi bảng sau). Nếu đưa tổng số giờ cho các môn tự chọn lên bằng ở Mỹ thì tổng số giờ học sẽ lên tới 1640 giờ, cũng chỉ hơn Mỹ 20%, như vậy là giảm được 25% so với hiện nay.

### Thời gian theo mô hình Mỹ nhưng giữ nguyên thời gian dạy chính trị như hiện nay

	Giờ học 4 năm
Chương trình cơ bản	480
Ngành chính (có thể là toán, vật lý, kinh tế,...)	480
Chủ nghĩa Marx - Lenin	200
Tự chọn	208
<b>Tổng</b>	<b>1380</b>

## 8. Khả năng canh tân chương trình ở Việt Nam

Khả năng canh tân chương trình ở Việt Nam hiện nay bị giới hạn bởi mô hình tổ chức đại học ở Việt Nam.

Trước tiên để hiểu những hạn chế gặp phải cần hiểu về những yếu kém của đại học Việt Nam, và do đó trước tiên cần biết qua về mô hình đại học Mỹ mà các nước trên thế giới hiện nay đang noi theo, kể cả đại học ở Pháp.

Đại học Mỹ có thể chia làm hai loại: university và college (hoặc có khi gọi là faculty). (Coi thêm phần Phụ lục). Thí dụ đại học Northwestern có nhiều trường (college) như:

- Trường khoa học tự nhiên và nhân văn (school of arts and science, đây là chữ thường dùng cho trường liberal arts như đã nói ở đoạn đầu, tức là gồm các ngành khoa học cơ bản như toán, vật lý, hoá học, và khoa học nhân văn như sử, kinh tế, chính trị, tâm lý, v.v.
- Trường thương mại (school of business)
- Trường sư phạm (school of education)

- Trường kỹ sư (school of engineering)
- Trường luật
- Trường y khoa
- Trường âm nhạc
- v.v.

Khi gọi là university thì đại học gồm các trường như trên cộng thêm với *trường sau cử nhân về khoa học tự nhiên và nhân văn* (thường được gọi là graduate school of arts and science. Hầu hết các đại học gọi là university cấp thêm ít nhất là bằng cao học (MA) và thường là cấp cả bằng tiến sĩ (PhD). Các trường chỉ cho bằng cử nhân thì thường gọi là college.<sup>4</sup>

Trường college of arts and science chính là *Trường khoa học tự nhiên và nhân văn*, ở cấp cử nhân (BA). Các trường khác hiện nay được tổng hợp vào một đại học, nhưng trước kia được coi là *trường chuyên nghiệp*, nếu không nói là trường dạy nghề. Tuy nhiên, học sinh các trường chuyên nghiệp như vậy hiện nay cũng phải học *chương trình kiến thức cơ bản*, mặc dù có khi được chêm chước giảm thiểu hơn một chút. Nhiều trường chuyên nghiệp chỉ có ở dạng sau cử nhân, tức là học sinh phải học xong *Trường khoa học tự nhiên và nhân văn* rồi mới được nhận vào: đây là trường luật, y khoa, và nhiều nơi là trường thương mại với chương trình MBA.

Với tổ chức như trên *Trường khoa học tự nhiên và nhân văn* là linh hồn của giáo dục đại học, vì ở đây có thể dễ dàng thực hiện chương trình kiến thức cơ bản, học sinh các ngành khác nhau có thể học chung và có thể lấy những lớp ở những trường hoặc phân khoa (ngành chính) khác trong cùng trường cho chương trình tự chọn không thuộc ngành chính.

Đại học Việt Nam hiện nay vẫn được tổ chức như là những ốc đảo, ốc đảo về tổ chức và ốc đảo về địa lý (theo nghĩa trường nhân văn ở một nơi, trường luật ở một nơi, trường khoa học tự nhiên (như toán, vật lý, hoá học, sinh học) ở một nơi khác). Khi đại học Việt Nam được tổ chức lại thành các đại học quốc gia như Đại học thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Hà Nội thì việc tổ chức lại chỉ ở cái tên, với một lớp quản lý cao hơn ở phía trên, chương trình của đại học đã không tổng hợp lại, học sinh ở trường này không thể lấy lớp ở trường khác và địa dư khác biệt cũng làm cho việc lấy lớp khó khăn. Ốc đảo về tổ chức cũng không cho phép thầy giáo kết hợp, trao đổi và nghiên cứu chung. Việc tổ chức ốc đảo này tiếp tục vì triết lý giáo dục tổng hợp không được thể hiện trong chương trình giảng dạy ở mỗi trường. Mới đây trường kinh tế rút ra khỏi trường đại học quốc gia thành một trường độc lập. Do đó việc học toán chẳng hạn ở những thầy dạy kinh tế thì rõ ràng là học từ một người biết sơ về toán. Ngược lại muốn dạy về kinh tế môi trường mà không biết gì về hoá học hoặc nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc không có cơ hội giao lưu với những người ở những ngành này thì mục đích cũng chẳng khác gì nhằm tạo ra những người khiếm thị.

<sup>4</sup> Ở Mỹ, vào college danh tiếng cũng khó như vào university danh tiếng. Các liberal arts college thường có dưới 2000 sinh viên. Các bạn có thể coi về các college danh tiếng như Williams college, Amherst college, Swarthmore để thấy rằng vào đây cũng khó như vào Harvard, Yale, Columbia, .. Có thể coi trên [http://www.usnews.com/usnews/edu/college/rankings/rankindex\\_brief.phpddee](http://www.usnews.com/usnews/edu/college/rankings/rankindex_brief.phpddee)

Dù với những trở ngại này, vẫn có thể canh tân chương trình nếu như lấy triết lý giáo dục đại học là đào tạo ra những người có kiến thức cơ bản.

## 9. Về một trường đại học chất lượng cao ở Việt Nam

Việc thảo luận về một trường đại học chất lượng cao đã được tiến hành ở nhiều nơi ở Việt Nam. Chất lượng cao đòi hỏi một số điều kiện: (1) giáo viên được trả mức lương thỏa đáng để họ không phải dạy thêm và do đó không được phép dạy thêm, (2) điều kiện về trường sở và phương tiện học từ thư viện, máy tính, phòng thí nghiệm phải đầy đủ, (3) số học sinh trên một giáo viên phải thấp, không quá 20, và tất nhiên là (4) sinh viên có trình độ tiếp thu. Nếu chỉ dựa vào điều (1) tới (3), dự toán về một đại học chất lượng cao với 2000 sinh viên sẽ là 5 triệu USD về đầu tư và chi phí hàng năm gần 2 triệu USD. Dự toán này dựa trên một số giả định sau:

- Lương bao gồm cả tiền hưu trí và bảo hiểm một giáo sư trung bình là \$1.000/một tháng. Có người được trả thấp hơn và có người được trả cao hơn. Đây là dự toán thấp nhất để có thể thuê được một người dạy ra trường ở nước ngoài với bằng tiến sĩ.
- Số học sinh cao nhất là 20 trên một giáo sư.

Như vậy tính trung bình, tiền học phí hàng năm lên tới khoảng 1.000 \$US để trang trải chi phí thường xuyên. Nếu giảm số sinh viên xuống là 10 trên một giáo viên, học phí lên tới khoảng 2.000 \$US một năm. Nhưng vấn đề quan trọng và khó khăn hơn cả trong cả hai trường hợp là khả năng tuyển dụng được 100 đến 200 giáo viên có trình độ tiến sĩ.

**Dự toán về một đại học chất lượng cao**

<b>Dự kiến</b>		
Số học sinh	2.000	
Giáo viên (1/20)	100	
Lương tháng	1.000	
Lương năm (USD)	1.200.000	
Giá trị tài sản/chi phí hàng năm	2,59	
<b>Tài sản</b>	<b>Hệ số</b>	<b>USD</b>
Đất và công trình xây dựng	0,67619	3.380.953
Máy móc và sách vở	0,28571	1.428.571
Tiền vốn lưu động để chi phí	0,03810	190.476
Tổng tài sản	1,00000	5.000.000
<b>Chi phí hàng năm</b>		
Lương/hưu trí/bảo hiểm	0,62145	1.200.000
Dụng cụ văn phòng, sửa chữa	0,11467	221.429
Năng lượng	0,14427	278.571
Đi lại cho giáo sư	0,02836	54.762
Chi phí khác (hoạt động sinh viên)	0,09125	176.190
Tổng chi phí thường xuyên	1,00000	1.930.952

## Phụ lục I: Đại học ở Mỹ

### Hệ thống đại học Mỹ

Hiện nay hệ thống đại học Mỹ gồm có hơn 3000 trường, và có thể gồm các loại khác nhau như sau:

**College** (thường là college of liberal arts) và có thể dịch là **trường đại học**: theo chương trình 4 năm, dạy nhiều ngành về khoa học tự nhiên như toán, vật lý, hóa học, sinh học, và khoa học nhân văn như tâm lý, chính trị, nhân chủng, xã hội, âm nhạc, mỹ thuật. Mỗi ngành được tổ chức thành một **khoa** (department). Học sinh khi ra trường nhận bằng cử nhân (Bachelor of Arts).

**University**, có thể dịch là **viện đại học**: gồm nhiều college (**trường**) như:

- Trường khoa học tự nhiên và nhân văn (school of arts and science, đây là chữ thường dùng cho trường liberal arts như đã nói ở đoạn đầu, tức là gồm các ngành khoa học cơ bản như toán, vật lý, hoá học, và khoa học nhân văn như sử, kinh tế, chính trị, tâm lý, v.v.
- Trường thương mại (school of business)
- Trường sư phạm (school of education)
- Trường kỹ sư (school of engineering)
- Trường luật (law school)
- Trường y khoa (school of medicine)
- Trường âm nhạc (school of music)
- Trường nghệ thuật (school of arts)
- v.v.

Khi gọi là university thì đại học gồm các trường như trên cộng thêm với *trường sau cử nhân về khoa học tự nhiên và nhân văn* (thường được gọi là graduate school of arts and science. Hầu hết các đại học gọi là university ít nhất có thêm chương trình học lấy bằng cao học (MA hay MS) và thường là cả bằng tiến sĩ (PhD hay DS). Các trường chỉ cấp bằng cử nhân thì thường gọi là college như đã nói ở trên

**Two year colleges**: là những trường chỉ dạy 2 năm. Học sinh học xong được cấp Associate's Degree, có thể ra đi làm hoặc chuyển ra trường college hoặc university để học tiếp.

**Community colleges**: cũng giống như trường hai năm, nhưng có sự khác biệt với trường hai năm là đây chúng là trường công trực thuộc quận hoặc thành phố quản lý.

Ở Mỹ, vào college of liberal arts (chương trình 4 năm) danh tiếng cũng khó như vào university danh tiếng. Các liberal arts colleges thường có dưới 2000 sinh viên. Các bạn có

thể coi về các college danh tiếng như Williams college, Amherst college, Swarthmore để thấy rằng vào đây cũng khó như vào Harvard, Yale, Columbia<sup>5</sup>.

Các đại học (university) có uy tín của Mỹ đều không có nhiều sinh viên, như:

- Đại học MIT có 4000 **học sinh đại học** (undergraduate students) và 6,000 **học sinh sau cử nhân** (graduate students) với 974 giáo sư, tức là 10 sinh viên 1 thầy giáo.
- Harvard có 6000 sinh viên undergraduates và 12,000 graduates với 2000 thầy giáo không kể thầy giáo y khoa, tức là 9 sinh viên 1 thầy giáo.

Các trường colleges lại càng ít sinh viên, như:

- Williams college ở bang Massachusetts, với 2000 undergraduates, 271 thầy giáo, tức là 7 sinh viên 1 thầy giáo. Đây là trường chỉ chuyên dạy học sinh lấy bằng cử nhân (BA), nổi tiếng nhất Mỹ hiện nay, xin nhập học cũng khó như vào đại học Harvard. Trường này mỗi năm chỉ nhận 500 học sinh<sup>6</sup>.

Các đại học có đủ phương tiện và có thầy giáo có khả năng lấy giải Nobel có thể lên tới 100.

### Vấn đề kinh doanh đại học ở Mỹ

Giáo dục ở Mỹ về cơ bản là giáo dục công lập, dù tư nhân có thể mở trường kinh doanh. Số liệu sau cho thấy điều đó:

	Lớp 1 đến lớp 8	Trung học (lớp 9 đến lớp 12)	Đại học
Tổng số học sinh	38,4 triệu	14,8 triệu	15,3 triệu
Công	33,7 triệu (88%)	13,5 triệu (91%)	11,7 triệu (77%)
Tư	4,7 triệu (12%)	1,3 triệu (9%)	3,6 triệu (23%)

Nguồn: US Census Bureau, Statistical Abstract of the United States 2003.

Nhưng có thể khẳng định là hầu hết các đại học Mỹ, dù là công hay tư, đều **không có mục đích kinh doanh, không có cổ phần viên hưởng lợi nhuận**. Gọi là đại học công vì chúng nằm dưới sự quản lý về tài chính và nhận tiền tài trợ từ ngân sách tiểu bang hoặc thành phố. Gọi là đại học tư vì chúng không chịu sự quản lý của chính quyền về mặt tài chính.

Đại học tư hay đại học công đều có một hội đồng quản trị (thường gọi là board of trustees) có nhiệm vụ gây quỹ, theo dõi tài chính, đề ra phương hướng giáo dục và bổ nhiệm hiệu trưởng. Ở đại học tư thì người trong hội đồng quản trị là do hội đồng quản trị đương nhiệm bổ nhiệm. Ở đại học công thì do thống đốc tiểu bang hoặc thị trưởng bổ nhiệm. Mỗi thành viên đều có nhiệm kỳ, thường là 5 năm, và tự giải nhiệm nếu không

<sup>5</sup> Có thể coi trên [http://www.usnews.com/usnews/edu/college/rankings/rankindex\\_brief.phpddee](http://www.usnews.com/usnews/edu/college/rankings/rankindex_brief.phpddee)

<sup>6</sup> Ở Mỹ, vào college danh tiếng cũng khó như vào university danh tiếng. Các liberal arts college thường có dưới 2000 sinh viên. Các bạn có thể coi về các college danh tiếng như Williams college, Amherst college, Swarthmore để thấy rằng vào đây cũng khó như vào Harvard, Yale, Columbia, ... Có thể coi trên [http://www.usnews.com/usnews/edu/college/rankings/rankindex\\_brief.phpddee](http://www.usnews.com/usnews/edu/college/rankings/rankindex_brief.phpddee)



được bổ nhiệm lại. Trừ chủ tịch hội đồng là có lương khi làm việc toàn thời gian, các thành viên khác không có lương nhưng được trả chi phí tham dự các cuộc họp. Hội đồng quản trị thường bao gồm những thành phần sau: (i) những người có đóng góp lớn về tiền bạc cho trường và có uy tín để gây quỹ cho trường; họ thường nhận được phần thưởng là tên trường, tên khoa, tên một tòa nhà hoặc một phòng học mang tên họ; (ii) các nhà doanh nghiệp có thể vừa cho tiền, vừa sẵn sàng nhận sinh viên khi ra trường; (iii) các nhà giáo dục và văn hóa có uy tín; (iv) các nhà chính trị về hưu có uy tín. Nói chung, họ là những người vừa có uy tín, vừa năng động hoặc thừa tiền sẵn sàng đóng góp vào việc xây dựng uy tín cho trường.

Về mặt luật pháp, *các trường tư phần đông đều tổ chức thành những công ty vô vị lợi* (non-profit corporations)<sup>7</sup> chịu sự kiểm tra của sở thuế và luật pháp và khi hội đủ điều kiện về quá trình hoạt động được luật pháp chứng nhận là công ty vô vị lợi. Công ty vô vị lợi không phải trả thuế doanh thu trên học phí thu được và không trả thuế trên lợi nhuận công ty (tức là nếu thu nhập lớn hơn chi phí thường xuyên). Lợi nhuận công ty đương nhiên được giữ lại để đầu tư phát triển vì trường không có cổ phần viên. Cái lợi thứ hai cho công ty vô vị lợi nhưng có tầm quan trọng hơn cả là luật pháp Mỹ cho phép những người đóng góp vào công ty vô vị lợi được trừ phần đóng góp khỏi thu nhập chịu thuế. Thí dụ một người làm \$100,000 một năm chịu thuế 30% thì nếu đóng góp \$50,000 họ chỉ phải đóng thuế trên \$50,000 ở mức thuế thấp hơn, chẳng hạn 20%. Đây là phương cách hay chính sách “nhân dân và nhà nước cùng làm” ở Mỹ để phát huy hoạt động vô vị lợi.

Mới đây ở Mỹ, vai trò kinh doanh của trường có mở rộng hơn do sự phát triển của ngành sinh học mà một số trường muốn lấy quyền phát minh (patent) về các kết quả nghiên cứu trong trường và do trường tự đài thọ hoặc hợp tác với tư nhân<sup>8</sup> để tạo thu từ việc cấp quyền sử dụng cho doanh nghiệp. Hoạt động này và những hoạt động tương tự bị coi là hoạt động kinh doanh, không thuộc về hoạt động giáo dục, theo luật Mỹ phải được tổ chức thành những công ty kinh doanh độc lập với trường và phải chịu thu nhập kinh doanh. Tuy nhiên nếu lợi nhuận đem đóng góp cho trường thì phần đóng góp này có thể trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế của công ty kinh doanh.

Tài chính đại học công từ học phí là 19%, từ chính quyền trung ương 11%, 36% từ chính quyền trung ương, phần còn lại 10% dựa vào đóng góp của người hảo tâm hoặc từ tài trợ nghiên cứu.<sup>9</sup> Đại học tư dựa nhiều hơn vào học phí (42%) và đóng góp của giới hảo tâm (20%) và kinh doanh phụ (21%)<sup>10</sup>. Như vậy đại học tư không nhất thiết dựa vào học phí là chính. Nhiều trường tư danh tiếng chỉ dựa 40-50% vào học phí, phần còn lại là do thu nhập tạo ra từ việc đầu tư tài sản mà các nhà hảo tâm đóng góp cho trường và những đóng góp thường xuyên của các nhà hảo tâm, cựu sinh viên, và tiền tài trợ cho các công trình nghiên cứu của chính phủ hoặc hoạt động kinh doanh.

---

<sup>7</sup> Vũ Quang Việt và Ngô Thanh Nhân, “Thử tìm hiểu khía cạnh kinh tế của hoạt động nghệ thuật và giáo dục và vai trò của các hoạt động vô vị lợi trong một nền kinh tế thị trường”, đã in ở Diễn Đàn (Paris), in lại trong *Kinh Tế Việt Nam Trên Đường Phát Triển*, 1997, Vũ Quang Việt, NXB TP Hồ Chí Minh.

<sup>8</sup> Đối với, tất cả những nghiên cứu do nhà nước đài thọ, bằng sáng chế thuộc về nhà nước do đó thường mở rộng cho mọi người sử dụng mà không mất tiền.

<sup>9</sup> Số liệu 2000, theo *Statistical Abstract of the United States 2003*, US Census Bureau.

<sup>10</sup> *Digest of Educational Statistics, 2002.*, National Center of Education.

Dĩ nhiên ở Mỹ vẫn có những người lập ra đại học ở Mỹ để kinh doanh, có chủ sở hữu và lợi nhuận thuộc về sở hữu chủ nhưng những đại học này chỉ là những trường dạy nghề. Họ phải chịu đóng thuế doanh thu và thuế lợi tức và hầu hết không được công nhận là có tư cách đại học. Lại còn những đại học bán bằng tiến sĩ cho bất cứ ai. Những đại học này không nằm trong danh sách 4200 đại học (trong đó 2365 là đại học 4 năm hoặc cao hơn)<sup>11</sup> được công nhận là có tư cách đại học.

### Tư cách đại học

Việc được công nhận tư cách đại học, hay nói đúng ra, được chứng nhận (assessed and accredited) là điều quan trọng cho sự sống còn của đại học. Tư cách đại học là do các *Hội các Đại học ở Mỹ* (Association of American Colleges and Universities), một tổ chức có hội viên là tất cả các đại học, gồm tất cả các đại học danh tiếng nhất, công nhận. Ngoài việc chứng nhận toàn chương trình học của cả trường, từng phân khoa cũng cần được chứng nhận. Việc chứng nhận dựa vào đánh giá của Hội về số học sinh trên một giáo sư, bằng cấp và công trình của giáo sư, chương trình học, phương tiện học tập và nghiên cứu như thư viện, phòng thí nghiệm, v.v. Hơn chục năm trước, phân khoa ngôn ngữ của trường danh tiếng bậc nhất như Đại học Columbia đã bị cảnh cáo rút chứng nhận nếu không nâng cao chương trình. Có thể coi là trường róm nếu trường đó không được chứng nhận.

### Quản lý nhà nước đối với đại học

Đại học Mỹ hoàn toàn tự quản và không chịu sự quản lý của chính phủ hoặc trung ương hay địa phương về chương trình giáo dục, nội dung giáo dục, bổ nhiệm giáo sư và tuyển sinh viên. Đối với trường công thì cấp tài trợ sẽ quản lý thông qua việc bổ nhiệm hội đồng quản trị. Bộ giáo dục và nhà nước trung ương hoàn toàn không có quyền quản lý với đại học.

### Nhận sinh viên

Có một vài hệ thống viện đại học công (như ở Texas và University of California) nhận tất cả sinh viên tốt nghiệp từ hệ thống trường trung học tiểu bang nếu sinh viên này là thành phần 10% (Texas) và 12.5% (California) học sinh đứng đầu lớp. Nhận được vào trường nào trong hệ thống đại học có nhiều viện đại học như California, với mức độ danh tiếng khác nhau, còn tùy thuộc vào các yếu tố khác như điểm thi sát hạch (SAT), quá trình hoạt động ở trung học hay trong xã hội chứng tỏ tiềm năng lãnh đạo, v.v.

Nói chung, đại học Mỹ dựa vào các yếu tố sau để chọn học sinh: (i) điểm trung bình hai-ba năm cuối trung học, (ii) các môn (khó) chọn học ở trung học; (iii) điểm thi sát hạch SAT về tiếng Anh, toán và hai chuyên môn; (iii) khả năng chuyên môn nổi trội như thể thao, âm nhạc, nghệ thuật; (iv) tiềm năng lãnh đạo như trong quá trình hoạt động ở trung học hay trong xã hội. Dĩ nhiên các trường danh tiếng ở miền Đông như Harvard, Yale, Princeton còn để ý đến yếu tố mà trước đây họ ghi thẳng ra, nhưng hiện nay được hiểu ngầm: đó là con cái nhà ai (nhà lãnh đạo chính trị, tài phiệt) không những ở Mỹ mà còn ở

---

<sup>11</sup> Coi trên, sđd.

các nước khác.<sup>12</sup> Chỉ học giỏi không thôi không là yếu tố đủ để được nhận vào đại học danh tiếng.

### Mục tiêu của giáo dục đại học Mỹ

Bên Việt Nam thường mong muốn mục đích của đại học là đào tạo nhân tài. Thế nào là nhân tài? Nhân tài có thể hiểu đơn giản là người sáng kiến, có khả năng, năng động đóng góp thêm một bước quan trọng vào phát triển dù trong khoa học tự nhiên, nhân văn, thực nghiệm hay thuần lý, trong quản lý doanh nghiệp hay nhà nước, dù ở địa bàn địa phương, quốc gia hay quốc tế. Nếu mong muốn là đào tạo ra nhân tài theo nghĩa những người nổi trội và hiếm trong xã hội thì điều này có thể là quá mức, trường học khó lòng đào tạo ra nhân tài, nhưng đại học có thể trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản, trang bị tinh thần phân tích độc lập, dám nghĩ, và biết nghĩ (nghĩ có phương pháp) để một học sinh có thể phát huy khả năng trở thành nhân tài.

Đại học Mỹ tỏ ra nhún nhường hơn nhiều trong mục đích của giáo dục bốn năm đại học, tức là không đặt vấn đề đào tạo nhân tài, nhưng mục đích họ phản ánh những điều nói ở trên. Một trường danh tiếng viết: “Mục đích của môi trường giáo dục và sinh hoạt sinh viên là đào tạo những cá nhân thành đạt và những công dân có trách nhiệm. Người tốt nghiệp cảm thấy tự tin trong việc tìm hiểu rộng rãi nhiều vấn đề và kinh nghiệm ở môi trường đại học hay ngoài đời, dù là học bất cứ ngành chuyên môn nào.” Chữ thành đạt (accomplished) có thể hiểu là có hiểu biết toàn về tri thức cơ bản do đó tự tin, được sửa soạn kỹ càng để tự tin vào đời và vào thị trường lao động (kiếm sống cũng như phát triển tri thức). Nhưng mục đích đào tạo thành những “công dân có trách nhiệm” (responsible citizens) thì quá rõ.

### Trường đại học khoa học tự nhiên và nhân văn (liberal arts colleges)

Trường đại học này hoặc là độc lập hoặc nằm trong một viện đại học (university) chính là linh hồn của đại học Mỹ, là nơi mà mục tiêu đào tạo con người cá nhân của hệ thống đại học Mỹ được thực hiện.

Chương trình 4 năm của *trường đại học khoa học tự nhiên và nhân văn* (liberal arts colleges) danh tiếng hoặc có tiếng không phải là *dạy nghề* mà là nhằm mục đích tạo ra những cá nhân thành đạt và công dân có trách nhiệm. Chính vì lý do này mà ở Mỹ trước khi vào học các trường chuyên nghiệp có tính nghề nghiệp như luật, y khoa, nha khoa, MBA, học sinh cũng phải qua bốn năm đại học để có được kiến thức cơ bản về tri thức và phương pháp phân tích. Vài ngành có thể đòi hỏi tới 5 năm học. Cũng có trường đi vào ngành nghề ngay như bằng về kế toán, ...nhưng các trường đại học này cũng cố gắng trang bị cho học sinh có hiểu biết cơ bản tối thiểu.

Bằng cấp từ colleges of liberal arts có thể là bằng về nhiều chuyên ngành như: toán, sinh học, vật lý, hoá học, sử, văn học, tâm lý, chính trị, ngôn ngữ học, triết học, âm nhạc, v.v. Nói chung, chương trình đại học 4 năm được tổ chức cơ bản như sau:

---

<sup>12</sup> Tại sao họ làm thế? Đơn giản là họ muốn tạo ra những là lãnh đạo, cơ sở của nguồn tài chính và sự ủng hộ dài lâu cho trường do đó họ học sinh của họ cũng cần có những mối quan hệ rộng rãi có tính toàn cầu.

**Bảng A. Chương trình học 4 năm đại học ở Mỹ**

Kiến thức cơ bản bắt buộc (trong đó có những lớp bắt buộc và những lớp tự chọn trong những ngành bắt buộc)	1/3 chương trình
Ngành chính	1/3 chương trình
Phần bắt buộc học	1/6 chương trình
Phần tự chọn trong ngành chính	1/6 chương trình
Phần tự chọn trong các ngành khác, học sinh có thể lấy thêm một ngành chính khác, hoặc 1 ngành phụ và những lớp tự chọn thêm trong ngành chính	1/3 chương trình

Trên cơ sở sơ đồ 45-46 tín chỉ cho 4 năm học theo mẫu hình đại học Northwestern University được trình bày ở bảng B. Mỗi tín chỉ tương đương với một lớp (chẳng hạn như nhập môn kinh tế vi mô –Introduction to Microeconomics), học 3 giờ một tuần, trong 10 tuần, tức là tổng cộng 30 giờ theo chương trình 3 khóa một năm (quarter system)<sup>13</sup>.

**Bảng B. Tổ chức và thời gian học để hoàn thành bằng BA (cử nhân)**

	3 học kỳ một năm	2 học kỳ một năm
Học kỳ 1	22/9 - 4/12 (10 tuần)	7/9 - 14/12 (14 tuần)
Học kỳ 2	3/1 - 12/3 (10 tuần)	17/1- 1/5 (14 tuần)
Học kỳ 3	29/3- '4/6 (10 tuần)	
Số học kỳ/năm	3	2
Số tín chỉ/Học kỳ	3.8	16
Số tín chỉ/năm	11.4	32
Số tín chỉ trong 4 năm	45.6	128
Số giờ 1 tín chỉ trong 1 tuần	3	0.75
Số tuần trong 1 Học kỳ	10	14
Số giờ học cho một tín chỉ	30	10.5
Số giờ học trong năm	342	336
Số giờ học trong 4 năm	1368	1344

Tất cả mọi học sinh đều phải học các kiến thức cơ bản về những vấn đề sau:

- *Seminar cho sinh viên năm đầu*: lớp nhỏ khoảng 15-16 sinh viên, nhằm phát triển khả năng cơ bản của một trí thức: cách đọc phê phán, cách nghĩ logic, cách truyền thông hiệu quả thông qua phân tích một vài vấn đề cụ thể nào đó. Mỗi sinh viên phải viết một bài luận văn 15-20 trang, phân tích một vấn đề và trình bày trong lớp để lớp thảo luận: 2 tín chỉ.

<sup>13</sup> Các đại học khác như University of California at Berkeley, cũng theo chương trình 3 khóa một năm, nhưng lại chia tổng số tín chỉ cần có lên tới 180, như vậy một tín chỉ ở đại học Northwestern tương đương với 4 tín chỉ ở UC Berkeley. Các đại học theo hệ hai học kỳ một năm thì lại có hệ thống tín chỉ khác. Như New York University đòi hỏi 128 tín chỉ mới có thể ra trường (coi cột hai ở bảng B). Nói chung, hệ thống tín chỉ ở Mỹ không giống nhau và cần phải chuyển đổi dựa trên tổng giờ học hoặc các lớp có nội dung tương đương.

- *Lớp viết luận văn có tính nghiên cứu*: huấn luyện sinh viên đặt vấn đề, tìm tài liệu, bố cục bài, phát triển logic, viết ghi chú, v.v. 2 tín chỉ.
- *Ngoại ngữ*: Đòi hỏi học thêm ngoại ngữ nếu không thi đạt trình độ nhất định, hoặc 6 tín chỉ.
- *Nhóm các vấn đề phải học*: Học sinh phải học mỗi khu vực ít nhất một lớp (1 tín chỉ), ngành chính học ít nhất 6 tín chỉ:

*Khoa học tự nhiên*: vật lý, hoá học, sinh học, thiên văn học, v.v

*Khoa học phương pháp*: toán, thống kê, tin học, luận lý

*Khoa học xã hội*: xã hội học, tâm lý học, kinh tế, văn hoá, chính trị,..

*Sử học*: nhiều trường đòi hỏi sinh viên học văn minh tây phương bao gồm cổ sử Hy La, lịch sử nước Mỹ,

*Giá trị học*: đạo lý học, tôn giáo và giá trị xã hội khác

*Văn chương và nghệ thuật*: văn học, âm nhạc, mỹ thuật

*Ngành chọn chính*: Ít nhất 1/3 số tín chỉ phải chọn trong ngành chính (major)

- Luận văn ra trường về ngành chính. Luận văn này viết thông qua một tín chỉ học độc lập (Independent study). Các trường hàng đầu của Mỹ bắt buộc viết luận văn ra trường này, các trường khác thì không.

Có thể nói chương trình đại học 4 năm cử nhân ở Mỹ đặt nặng kiến thức cơ bản và trong ngành chính cũng đặt nặng kiến thức cơ bản của ngành chính, còn thì học sinh được tự chọn những môn học có tính ứng dụng thích hợp mà trường và khoa cho phép.

### Vấn đề bằng cấp và đòi hỏi

Bachelor of Arts (BA): Mục đích của chương trình 4 năm nhằm cấp bằng cử nhân là tạo cho học sinh có khả năng phân tích, đánh giá vấn đề, có đầu óc phán đoán khoa học, được mở mắt ra nhiều vấn đề tri thức nhằm có tri thức cơ bản. Mục đích của chương trình không phải là nhằm trang bị cho học sinh thành những nhà nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, mặc dù cũng được thực tập qua các phương pháp nghiên cứu. Ngoài bằng BA cũng có bằng BS (Bachelor of Science) cấp cho học sinh xong chương trình học về kỹ sư hoặc khoa học máy tính (computer science). Trước đây các chương trình kỹ sư có tính dầy nghề nhưng hiện nay cũng đòi hỏi học các kiến thức cơ bản.

Master of Arts (MA): Đây là bằng cho chương trình học hai năm sau cử nhân (BA). Chương trình này nhằm cung cấp cho sinh viên có kiến thức chuyên nghiệp, chuyên sâu hoặc có tính nghề nghiệp nhằm phục vụ thị trường lao động. Các môn học thường cũng giống như ở chương trình đại học bốn năm nhưng chuyên sâu hơn. Các trường thường cho phép học sinh chọn hai cách: (i) thi tốt nghiệp ra trường; (ii) viết luận án ra trường. Luận án không đòi hỏi phải trình bày điều gì mới nhưng đòi hỏi nắm vững phương pháp nghiên cứu và vấn đề nghiên cứu. Tương đương với BS ở mức cao hơn là MS.

Doctor of Philosophy (PhD): Mục đích của chương trình này là đào tạo ra những nhà khoa học có khả năng nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp. Chương trình đòi hỏi học thêm trong lớp 1 năm rưỡi hoặc hai năm nữa sau MA. Học sinh có thể được nhận thẳng vào chương trình PhD mà không cần có bằng MA, nhưng cũng cần 31/2 hay 4 năm lấy lớp. Sau hai năm học các lớp thuộc chương trình MA, học sinh vào chương trình này đã có thể chọn giáo sư chính hướng dẫn làm luận án, có thể có ý hướng về đề tài muốn làm, và do đó giáo sư hướng dẫn có thể vạch ra những môn mà học sinh cần học thêm để có thể làm luận án (chẳng hạn như một môn toán đặc biệt nào đó) và phải lấy các lớp seminar về một vấn đề chuyên biệt trong đó học sinh trình bày vấn đề của mình hoặc nghe các giáo sư hoặc các sinh viên khác trình bày. Số tín chỉ và số giờ học hoàn thành có tính bắt buộc. Để trở thành candidates (ứng viên), học sinh phải qua bốn kỳ thi sát hạch, chẳng hạn như trong ngành kinh tế, học sinh phải qua sát hạch về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, và hai chuyên môn khác như toán kinh tế, kinh tế học, tài chính nhà nước, thương mại quốc tế, v.v. Đây là sát hạch về kiến thức cơ bản và kiến thức mới nhất trong ngành chuyên môn, đòi hỏi quan trọng trước khi ứng viên có thể bắt tay vào viết. Có thể nói người hoàn thành được PhD (hay Doctor of Science trong ngành kỹ sư) là người có tri thức toàn diện, sâu và mới nhất trong chuyên môn mà họ muốn làm nghiên cứu, trên nguyên tắc là phải đọc tất cả các công trình đáng đọc được hoàn thành trên toàn thế giới. Nếu là về lý thuyết thì ứng viên phải đưa đến điểm gì mới, dù quan trọng hay không quan trọng, dù là qui luật hay phương pháp mới; nếu là ứng dụng thì ứng viên cũng phải ứng dụng vào điều gì, hoặc lĩnh vực mới hoặc sử dụng phương pháp mới để lật ngược hoặc bổ túc những phạm vi đã được nghiên cứu. Kết quả của nghiên cứu có thể chẳng có gì là quan trọng, nhưng nó phải chứng tỏ là ứng viên có khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và biết sử dụng các phương pháp khoa học, xử lý phân tích vấn đề một cách khoa học. [Xem xét dưới khía cạnh phải có tri thức về những thành quả mới nhất trong chuyên môn thì Việt Nam hiện nay chưa thể ở giai đoạn có thể cấp bằng PhD về kinh tế].

Để hiểu rõ về mục đích nghiên cứu của người có PhD, ta cũng nên biết qua về bằng MD (Doctor of Medicine) tức là *bằng bác sĩ*. Đây là bằng nghề nghiệp. Dù họ phải học xong BA, sau đó học thêm 4 năm trường thuốc và 2 năm thực tập nhưng mục đích là để làm nghề bác sĩ chữa bệnh. Họ không được huấn luyện thành nhà nghiên cứu. Nếu muốn trở thành nhà nghiên cứu về y khoa, người có MD phải học lấy MA và sau đó là PhD.

Tương tự như vậy bằng luật, thường được gọi là JD (Juris Doctor), tức là *bằng luật sư* 3 năm sau khi học xong BA. Đây cũng chỉ là bằng nghề nghiệp, học sinh sau khi lấy bằng này có thể ra thi lấy bằng hành nghề luật sư. Muốn đi vào nghiên cứu học sinh sẽ lấy bằng thông thường với MA là bằng MSL (Master of Law) sau 4 năm đại học, và sau đó là bằng DSJ (Doctor of the Science of Law) tương đương với PhD. Các trường luật cũng mở chương trình MSL cho người có bằng luật ở nước ngoài, chương trình thông thường chỉ có một năm, có tính cách giúp người nước ngoài hiểu biết về luật Mỹ, thông có tính cách hữu nghị, không thể coi thông thường với chương trình MSL bình thường cho sinh viên Mỹ.

## Phụ lục II. Chương trình đại học 4 năm ngành kinh tế ở Việt Nam

Ở Việt Nam, tiết gồm 45 phút học. Chương trình sau đây là chương trình kinh tế 4 năm đại học ở Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh<sup>14</sup>. Tất cả các lớp đều có tính bắt buộc.

	2 năm đầu	Tiết	Tiết	Giờ
<b>1</b>	Lịch sử các học thuyết kinh tế	45		
	Quản trị học	45		
	Kinh tế vi mô	60		
	Kinh tế vĩ mô	60		
	Xác suất thống kê	60		
	Kế toán	60		
	Địa lý kinh tế	45		
	Quy hoạch tuyến tính	60		
	Marketing căn bản	45		
	Kinh tế công cộng	30		
	Kinh tế phát triển	30		
	Dân số học	30		
	Luật kinh tế	60		
	<b>Tổng lớp kinh tế</b>		<b>630</b>	<b>473</b>
<b>2</b>	Triết học Marx -Lenine	75		
	Kinh tế chính trị (i)	45		
	Kinh tế chính trị (ii)	30		
	<b>Tổng lớp chính trị</b>		<b>150</b>	<b>113</b>
	Đại số tuyến tính	45		
	Giải tích	60		
	Tin học căn bản	60		
	<b>Tổng lớp toán, tin học</b>		<b>165</b>	<b>124</b>
<b>3</b>	Ngoại ngữ (i)	120		
	Ngoại ngữ (ii)	150		
	<b>Tổng ngoại ngữ</b>		<b>270</b>	<b>203</b>
<b>4</b>	Lịch sử triết học	30		
	Logic học	30		
	Tâm lý học	30		
	<b>Tổng các môn khác</b>		<b>90</b>	<b>68</b>
	<b>Tổng hai năm đầu</b>		<b>1305</b>	<b>979</b>

<sup>14</sup> Chương trình này do anh Nguyễn Hoài Bảo đã tốt nghiệp từ Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp.

	<b>2 năm cuối</b>	<b>Tiết</b>	<b>Tiết</b>	<b>Giờ</b>	
<b>1</b>	Lịch sử kinh tế quốc dân Việt Nam	45			
	Kinh tế quốc tế (i)	45			
	Lý thuyết thống kê	60			
	Lý thuyết tài chính tiền tệ	75			
	Kinh tế vi mô (ii)	60			
	Phân tích lợi ích và chi phí	45			
	Kinh tế các nước châu Á TBD	45			
	Kinh tế lao động	45			
	Kinh tế quốc tế (ii)	45			
	Dự báo	60			
	Kinh tế vĩ mô (ii)	60			
	Kinh tế phát triển	45			
	Kinh tế nông nghiệp	45			
	Kinh tế tài nguyên và môi trường	45			
	Phân tích kinh tế dự án	45			
	Kinh tế Việt Nam	30			
	Kinh tế công cộng	45			
	Tài chính quốc tế	45			
	Kế hoạch hoá và chính sách kinh tế	45			
	Chính sách thương mại và công nghiệp	45			
	Hạch toán quốc gia	45			
	Tiền tệ và ngân hàng	45			
	Mô hình hoá	45			
	Thị trường chứng khoán	45			
	Làm luận văn				
	Báo cáo hoặc thi	150			
		<b>Tổng kinh tế</b>		<b>1305</b>	<b>979</b>
	<b>2</b>	Lịch sử Đảng	60		
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	60		
		<b>Tổng chính trị</b>		<b>120</b>	<b>90</b>
<b>3</b>	Ngoại ngữ (i)	60			
	Ngoại ngữ (ii)	60			
	<b>Tổng ngoại ngữ</b>		<b>120</b>	<b>90</b>	
<b>4</b>	Tin học quản lý	60	60	45	
	<b>Tổng hai năm sau</b>		<b>1605</b>	<b>1204</b>	
	<b>Tổng 4 năm</b>		<b>2910</b>	<b>2183</b>	
	<b>Kinh tế</b>		<b>1935</b>	<b>1451</b>	
	<b>Chính trị</b>		<b>270</b>	<b>203</b>	
	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>390</b>	<b>293</b>	
	<b>Toán, tin học</b>		<b>225</b>	<b>169</b>	
	<b>Môn khác</b>		<b>90</b>	<b>68</b>	
	<b>Tỷ lệ giờ học kinh tế</b>			<b>66%</b>	
	<b>Tỷ lệ giờ học chính trị</b>			<b>9%</b>	
	<b>Tỷ lệ giờ học ngoại ngữ</b>			<b>13%</b>	
	<b>Tỷ lệ giờ học môn khác</b>			<b>11%</b>	



